

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/DS-ST

Ngày: 02/10/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và yêu cầu bồi
thường thiệt hại ngoài hợp
đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị lành

2. Ông Ngô Xuân Dệt

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Minh N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 326/9/2 đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Quý H, bà Võ Thị Mỹ T và chị Lê Thị Mỹ N.

Cùng địa chỉ: Số 128 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu C.

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 59 đường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hồ Thị Minh N trình bày:

Vợ chồng ông H và bà T có vay bà Hồ Thị Minh N số tiền 34.000.000đ, trong đó 20.000.000đ vay trực tiếp có ghi giấy nợ từ ngày 20/6/2016 và 14.000.000đ là tiền đóng hui. Bà Hồ Thị Minh N đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng H, T không trả mà còn nhiều lời lẽ lăng mạ, xúc phạm bà N. Không những thế, vợ chồng H, T còn hành hung đánh đập bà Hồ Thị Minh N 02 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất, vào ngày 18/01/2018, bà Nga và chị gái là Hồ Thị L đến nhà vợ chồng H, T để đòi nợ thì bị vợ chồng H, T dùng dao đuôi chém. Hậu quả là bà N bị thương ở tay và vai, chị gái bị thương ở đùi. Vụ việc trên đã được Công an phường Y giải quyết, sau đó vợ chồng H, T đã bồi thường chi phí chữa trị cho bà N là 405.000đ.

Lần thứ hai, xảy ra vào ngày 31/5/2018 tại chợ B đường N, thành phố P. Lúc 09 giờ sáng, bà Nga đi chợ gặp vợ chồng H, T thì bà N yêu cầu vợ chồng H, T trả nợ rồi hai bên lời qua tiếng lại, sau đó vợ và con gái ông H lao vào đánh bà N. Sau khi được mọi người can ngăn thì họ mới dừng tay và sau đó bà N được đưa đi cấp cứu tại Bệnh Viện Đa khoa tỉnh Gia Lai. Hậu quả khiến bà N bị đa chấn thương phần mềm, đau đầu, chóng mặt trong nhiều ngày liền phải nằm viện điều trị hơn một tuần. Vụ việc trên, bà N đã trình báo Công an thành phố P và được Công an thành phố P giải quyết nhưng sau đó vợ chồng H không chấp hành và không bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần cho bà N.

Do vậy, bà Hồ Thị Minh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quý H trả cho bà Hồ Thị Minh N số tiền còn nợ là 34.000.000đ, buộc bà Võ Thị Mỹ T và con gái là Lê Thị Mỹ N bồi thường cho bà tiền tổn thất tinh thần, chi phí điều trị vết thương mà bà T và con gái đánh bà N là 6.874.000đ. Trong đó: Chi phí điều trị là 3.874.000đ, tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại là 3.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà N rút một phần nội dung khởi kiện 14.000.000đ tiền hui và rút phần yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 3.000.000 đồng và yêu cầu ông H phải trả tiền vay 19.000.000 đồng, yêu cầu bà T và chị N phải bồi thường chi phí điều trị do sức khỏe bị xâm phạm là 3.874.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 4 năm 2019, bị đơn ông Lê Quý H trình bày ý kiến:

Ngày 20 tháng 6 năm 2016, ông H có nhận nợ bà N với số nợ là 20.000.000 đồng và thỏa thuận sẽ trả cho bà N mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Ông H đã trả cho bà N 4 tháng với số tiền là 2000.000 đồng, tuy nhiên khi nghe mọi người kể lại bà N thường nói xấu sau lưng, xúc phạm vợ chồng ông H. Ông H yêu cầu bà Nga chấm dứt hành vi, lời nói xúc phạm đến vợ chồng ông và ông sẽ thanh toán cho bà N hàng tháng 500.000 đồng như đã thỏa thuận.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 4 năm 2019, bị đơn bà Võ Thị Mỹ T trình bày ý kiến:

Bà N đã nhiều lần bôi bác danh dự vợ chồng bà trên mạng xã hội và tại chợ Bà Định số 80 đường N, thành phố P, bà N đã chửi bới, xúc phạm danh dự gia

đình bà T và hai bên có xô xát với nhau nên bà T không đồng ý bồi thường cho bà N vì đây là lỗi của bà N gây sự trước.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 7 năm 2018, bà Võ Thị Mỹ T khai:

Sáng 31 tháng 5 năm 2018 (khoảng 09 giờ sáng, bà cùng chồng, con gái và ban con gái đang ngồi uống cà phê tại 80 đường N, thành phố P thì bà N đi chợ dừng xe trước quán cà phê chửi vợ chồng bà T, bà N đã nhiều lần chửi như vậy và lần này là lần thứ 3, sau đó con gái bà T là Lê Thị Mỹ N ra và có đánh nhau với bà N, bà T ra can ngăn thì bà N cũng đánh bà T luôn nên bà T có tát vào mặt bà N. Sau đó, Công an phường Y, thành phố P mời lên làm việc.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 7 năm 2018, chị Lê Thị Mỹ N khai:

Vào lúc 09 giờ sáng 31 tháng 5 năm 2018, chị cùng gia đình gồm ba, mẹ, một bạn ở thành phố Hồ Chí Minh về chơi cùng với hai chị của chị N là Võ Nguyễn Thanh M và Nguyễn Kim Thanh H. Lúc này, có bà N là bạn của mẹ chị N đi xe mô tô ngang qua thấy mọi người đang uống cà phê nên đứng lại chửi bố mẹ chị N, chị N có hỏi thì bà N chửi mắng cả chị N, chị N bức tức quá nên đã tát bà N hai cái vào mặt, bà N dùng tay che mặt và đầu nên chị N đã dùng tay tát thêm 02 cái vào lưng bà N. Sau đó, bà N dùng tay nắm lấy áo chị N kéo lên, chị N giữ tay bà N lại và bảo bà N bỏ ra, bà N không chịu buông tay, chị N dùng chân đạp vào chân bà N để thoát ra. Lúc này, có chị M và chị H chạy ra lôi bà N ra nhưng không được, chị M và chị H đánh vào tay của bà N để bà N buông tay ra nhưng bà N vẫn không buông tay, giằng co một lúc 02-03 phút thì bà N mới chịu buông tay ra. Chị N, chị M và chị H đi vào bàn nước, bà T đi ra cãi nhau với bà N rồi đi vào, bà N tiếp tục đứng ngoài chửi bới. Sau đó, Công an phường Y, thành phố P mời đến làm việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của, kiểm sát viên, đương sự. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà Hồ Thị Minh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quý H trả cho bà N số tiền còn nợ là 19.000.000đ, buộc bà Võ Thị Mỹ T và con gái Lê Thị Mỹ N bồi thường chi phí điều trị vết thương là 3.874.000đ. Nghĩa vụ này phát sinh từ hợp đồng vay tài sản và phát phát sinh nghĩa vụ ngoài hợp đồng giữa bà N với ông Lê Quý H, bà Võ Thị Mỹ T và chị Lê Thị Mỹ N. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn là ông Lê Quý H, bà Võ Thị Mỹ T và chị Lê Thị Mỹ N có nơi cư trú tại 128 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Lê Quý H, bà Võ Thị Mỹ T và chị Lê Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét giao dịch giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Minh N với bị đơn ông Lê Quý H được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 20 tháng 6 năm 2016, ông H có nhận nợ bà N với số nợ là 20.000.000 đồng và thỏa thuận sẽ trả cho bà N mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, giấy vay tiền này có chữ ký của ông Lê Quý H. Xét giấy nhận nợ này không thể hiện về lãi. Như vậy, hợp đồng đã giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay không có lãi. Nguyên đơn bà Hồ Thị Minh N đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền 19.000.000 đồng còn nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, về phương thức trả nợ hai bên đã thỏa thuận ông H trả hằng tháng mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nên Hội đồng xét xử buộc ông H phải trả cho bà N mỗi tháng 500.000 đồng theo như giấy nhận nợ mà hai bên đã thỏa thuận.

Đối với nội dung ông H khai là đã trả 2.000.000 đồng thì bà N chỉ thừa nhận ông H chỉ trả 1.000.000 đồng, ngoài ra không có căn cứ nào khác thể hiện ông H đã trả 2.000.000 đồng, lời khai này của ông H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối việc bà N yêu cầu bà T và chị N phải bồi thường chi phí điều trị vết thương do bị chị T và chị N đánh bà Nga thì thấy rằng:

Tại bản tự khai ngày ngày 11 tháng 7 năm 2018 và ngày 29 tháng 7 năm

2018, bà Võ Thị Mỹ T và chị Lê Thị Mỹ N cũng đã thừa nhận việc đánh bà N vào ngày 31 tháng 5 năm 2018. Do vậy, bà N yêu cầu bồi thường chi phí điều trị là chính đáng, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận các khoản chi phí thực tế hợp lý theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật, cụ thể sau khi tính toán các khoản chi phí điều trị có hóa đơn, chứng từ hợp pháp thì Hội đồng xét xử chấp nhận chi phí điều trị với số tiền là 2.964.701 đồng.

[3] Về số tiền lãi: Bà N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí phần yêu cầu được chấp nhận và phải chịu án phí đối với nội dung yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối phần nội dung yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 274; Điều 275; Điều 463; 466; Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Minh N đối với bị đơn ông Lê Quý H, bà Võ Thị Mỹ T và chị Lê Thị Mỹ N. Buộc bị đơn ông Lê Quý H phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Minh N số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Buộc bà Võ Thị Mỹ T và chị Lê Thị Mỹ N phải bồi thường cho bà Hồ Thị Minh N chi phí điều trị là 2.964.701 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi tư nghìn, bảy trăm lẻ một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị đơn ông Lê Quý H phải nộp 950.000đ (Chín trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Võ Thị Mỹ T và chị Lê Thị Mỹ N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận là 909.299 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.021.000 đồng (Một triệu, không trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0004429 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị Minh N số tiền còn lại là 721.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Rmah HThuyên